Số: 1611/BQL-VP
Thời gian ký: 24/10/2022 13:51:05 +07:00

Biểu số 03
(Theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của BTC)

Đơn vị: BQL Khu kinh tế Bình Định
Chương: 505

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày Tháng 10 Năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Ban Quản lý Khu kinh tế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2022 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2022/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	Thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	***Lệ phí***	***42***	***18,18***	***0,43%***	***102,36%***
	Lệ phí cấp phép lao động	32	26,4	82,50%	39,22%
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	10	2,94	29,40%	64,06%
2	***Phí***	***920***	***353,13***	***23,22%***	***869,99%***
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá TĐMT	220	102,10	46,41%	86,82%
	Phí thẩm định đề án đầu tư	668	814,94	122,00%	177,63%
	Phí thẩm định TKCS	65	45,72	70,34%	143%
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	***Chi sự nghiệp……***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	736	555,98	75,54%	76,58%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***	***42***	***18,18***	***43,29%***	***79,74%***
	Lệ phí cấp phép lao động	32	24,2	75,63%	50,%
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	10	2,52	25,2%	113,89%
2	***Phí***	***100***	***29,55***	***7,27%***	***76,85%***
	Phí thẩm định TKCS	67	81,492	121,63%	177,63%
	Phí đấu thầu, đấu giá về kết quả đấu thầu	33	21,6	65,45%	0%
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**19.882**	**10.379,63**	**52,67**	**152,23%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	***13.832***	***10.379,63***	***52,67***	***152,23%***
1	Chi hành chính nhà nước	**12.443**	**9.051,76**	**72,75%**	**101,99%**
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	7.171	6.872,39	95,84%	90,96%
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.273	4.483,94	85,05%	189,90%
2	**Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**677**	**0**	**0%**	**0%**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	677	0	0%	0%
3	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**711**	**108**	**15,19%**	**86,12%**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	711	327,24	46,03%	47,41%
II	**Chi hoạt động kinh tế**	**6.050**	**1.219,87**	**20,16%**	**84,97%**
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.181	1.588,60	72,84%	82,01%
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.869	1335,305	34,51%	252,33%